

chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Thủ trưởng

Bùi Xuân Khu

Xét đề nghị của Công ty Nhựa Rạng Đông tại Công văn số 353/CV-TCKT ngày 01 tháng 7 năm 2004;

Theo đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp số 59/2004/QĐ-BCN ngày 09/7/2004 về việc sửa đổi khoản 3 Điều 1 Quyết định số 30/2004/QĐ-BCN ngày 21/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Nhà máy Nhựa Nha Trang thuộc Công ty Nhựa Rạng Đông thành Công ty cổ phần Nhựa Nha Trang.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;

Điều 1. Sửa đổi khoản 3 Điều 1 Quyết định số 30/2004/QĐ-BCN ngày 21 tháng 4 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Nhà máy Nhựa Nha Trang thuộc Công ty Nhựa Rạng Đông thành Công ty cổ phần Nhựa Nha Trang như sau:

“3. Ưu đãi cho người lao động trong Nhà máy.

Tổng số cổ phần bán ưu đãi cho 150 lao động trong Nhà máy là 10.915 cổ phần với giá trị được ưu đãi là 327.450.000 đồng. Trong đó, số cổ phần bán ưu đãi trả chậm cho 3 lao động nghèo là 220 cổ phần, trị giá 15.400.000 đồng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Tổng giám đốc Công ty Nhựa Rạng Đông, Giám đốc Nhà máy Nhựa Nha Trang và Chủ tịch Hội đồng quản trị,

Giám đốc Công ty cổ phần Nhựa Nha Trang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
Thứ trưởng

Bùi Xuân Khu

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 68/2004/TT-BTC
ngày 08/7/2004 hướng dẫn quản lý, thanh toán và cấp phát kinh phí cho học viên Việt Nam đào tạo tại Liên bang Nga từ nguồn chuyển đổi “Nợ thành Viện trợ” theo Hiệp định xử lý nợ ngày 13 tháng 9 năm 2000.

Căn cứ Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về xử lý nợ của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Nghĩa Việt Nam với Liên bang Nga đối với các khoản tín dụng đã cung cấp trước đây (Hiệp định xử lý nợ) ngày 13/9/2000 và Thỏa thuận bổ sung Hiệp định ký ngày 13/9/2000;

Căn cứ Thỏa thuận quy trình thanh toán và kế toán giữa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và Ngân hàng Kinh tế đối ngoại Liên Xô (Vnesheconombank) ký ngày 12/01/2001, Phụ lục số 1 của Thỏa thuận ký ngày 10/4/2003;

Căn cứ Hiệp định giữa Chính phủ Liên bang Nga và Chính phủ Việt Nam về đào tạo công dân Việt Nam tại các trường và cơ sở đào tạo đại học của Liên bang Nga ký ngày 09/7/2002;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, thanh toán và cấp phát kinh phí cho học viên Việt Nam đào tạo tại Liên bang Nga từ nguồn chuyển đổi “Nợ thành Viện trợ” theo Hiệp định xử lý nợ ngày 13/9/2000 như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng đào tạo:

Các đối tượng được đào tạo tại Liên bang Nga bằng nguồn chuyển đổi “Nợ thành Viện trợ” theo Hiệp định xử lý nợ ngày 13/9/2000 được quy định tại Hiệp định ngày 09/7/2002 giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về đào tạo công dân Việt Nam tại các trường và cơ sở đào tạo đại học của Liên